

Số: 2267/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 8 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chí, thang điểm, thời gian đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách địa phương**

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2879/STC-TTr ngày 25/7/2018 về việc ban hành tiêu chí, thang điểm, thời gian đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách địa phương,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này các Biểu tiêu chí, thang điểm và thời gian đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách địa phương (gọi tắt là Bộ tiêu chí).

Bộ tiêu chí gồm 07 Biểu áp dụng cho các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND các cấp và Biểu hướng dẫn chấm điểm các tiêu chí.

Bộ tiêu chí được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

#### **Điều 2. Đối tượng và thời gian cụ thể:**

1. Các đơn vị sử dụng ngân sách : áp dụng Biểu số 01.

Thời gian gửi cơ quan tài chính để tổng hợp gửi UBND cùng cấp trước  
**15/01/năm sau**

2. Các đơn vị dự toán ngân sách cấp I : áp dụng Biểu số 02.

(Có đơn vị trực thuộc)

Thời gian gửi cơ quan tài chính để tổng hợp gửi UBND cùng cấp, **trước ngày 15/01/năm sau**; đồng thời quy định thời gian gửi cho đơn vị dự toán trực thuộc để đảm bảo gửi theo thời gian quy định.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và trực thuộc các Sở, Ngành)

: áp dụng Biểu số 03.

Thời gian gửi cơ quan tài chính để tổng hợp gửi UBND cùng cấp, trước ngày **15/01/năm sau**; Các sở, ngành quy định thời gian gửi cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc để đảm bảo gửi theo thời gian quy định.

4. UBND cấp xã : áp dụng Biểu số 04.

5. UBND cấp huyện : áp dụng Biểu số 05.

Thời gian gửi Sở Tài chính để tổng hợp gửi UBND tỉnh trước ngày **15/01/năm sau**; đồng thời quy định thời gian gửi cho UBND cấp xã để đảm bảo gửi theo thời gian quy định.

6. UBND tỉnh : áp dụng Biểu số 06.

Thời gian UBND tỉnh gửi Bộ Tài chính trước ngày **28/02/năm sau**.

7. Biểu số 07 hướng dẫn chấm điểm các tiêu chí.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện:**

1. Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách, các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; căn cứ Quy định tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính và quy định tại Quyết định này thực hiện tự chấm điểm và thẩm định tự chấm điểm của đơn vị dự toán trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, UBND cấp xã; tổng hợp gửi Sở Tài chính để tổng hợp gửi UBND tỉnh.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc sở Nội vụ triển khai thực hiện: Kết quả chấm điểm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên là một tiêu chí xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Tài chính tổ chức thẩm định kết quả tự chấm điểm của các Sở, Ban, Ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; tổng hợp tham mưu trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành:**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách ngân sách, các đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính (để B/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND Tỉnh;
- Báo Bà Rịa-VT; Đài PT-TH tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TH4.  
(14/8/2018)



KT. CHỦ TỊCH *mmh*  
PHÓ CHỦ TỊCH

*Long*  
Nguyễn Thành Long



UBND...

Tên đơn vị sử dụng ngân sách

Biểu số 01

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 20...**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>		
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II+III)</b>	<b>70</b>		
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55		
1	Chi sách, báo, tạp chí	6		
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6		
3	Chi sử dụng điện	6		
4	Chi xăng, dầu	6		
5	Chi sử dụng nước	6		
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6		
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6		
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6		
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7		
II	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)	5		
	Đã thực hiện khoán	5		
	Chưa thực hiện khoán	0		
III	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10		
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10		
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0		
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị dự toán (loại trừ số kinh</b>	<b>30</b>		



	<b>phi đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>			
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10		
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20		
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30		
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>			
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5		
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5		
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5		

...., ngày....tháng....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



Biểu số 02

UBND.....  
Tên đơn vị dự toán(Có đơn vị trực thuộc)

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 20...**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>		
<b>A</b>	<b>Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>		
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10		
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20		
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30		
<b>B.</b>	<b>Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp</b>	<b>50</b>		
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	50		
2	Từ 50% đến 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	45		
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	40		
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	35		
<b>C</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	<b>20</b>		
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10		
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5		
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5		
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10		
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4		
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6		

...., ngày....tháng....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)



Đơn vị chủ quản trực tiếp....  
Tên đơn vị sự nghiệp công lập

Biểu số 03

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ  
TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 20...**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>		
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)</b>	<b>70</b>		
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55		
1	Chi sách, báo, tạp chí	6		
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6		
3	Chi sử dụng điện	6		
4	Chi xăng, dầu	6		
5	Chi sử dụng nước	6		
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6		
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6		
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6		
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7		
II	Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế	15		
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10		
	Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10		
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0		
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	5		
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5		
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0		



<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>		
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10		
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20		
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30		
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>			
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5		
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5		
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5		

...., ngày....tháng....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)





UBND xã, phường, thị trấn...

Biểu số 04

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 20...**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2267/2018/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>		
<b>A</b>	<b>Một số chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể trong chi thường xuyên</b>	<b>60</b>		
1	Chi sách, báo, tạp chí	8		
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	8		
3	Chi sử dụng điện	8		
4	Chi xăng, dầu	8		
5	Chi sử dụng nước	8		
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	8		
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	8		
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	4		
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>40</b>		
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	15		
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	30		
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	40		
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>			
1	Có khoản chi bị Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5		
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5		
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5		

...., ngày....tháng....năm 20...

**CHỦ TỊCH UBND**  
(Ký tên, đóng dấu)



UBND huyện, thị, thành phố...

Biểu số 05

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 20...**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>		
<b>A.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>		
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10		
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20		
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30		
<b>B.</b>	<b>Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã</b>	<b>50</b>		
<b>I</b>	<b>Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc và ngân sách cấp xã</b>	<b>40</b>		
1	Trên 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	40		
2	Từ 50%- 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	30		
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	20		
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	10		
<b>II</b>	<b>Kết quả thực hiện giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao</b>	<b>10</b>		
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10		
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0		
<b>C.</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	<b>20</b>		
1	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10		
1.1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2		
1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	8		



2.	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10		
2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4		
2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6		

...., ngày....tháng....năm 20...

**CHỦ TỊCH UBND**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 20...***(Ban hành kèm theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C+D+E)</b>	<b>100</b>	
<b>A.</b>	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	<b>10</b>	
I	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	6	
1	Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3	
-	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	3	
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2	
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	1	
-	Không ban hành	0	
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	0	
II	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	4	
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	2	
3	Không ban hành	0	
<b>B</b>	<b>Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên</b>	<b>40</b>	
I	Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	5	



II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	15	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô; để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền	5	
	Đã thực hiện khoán	5	
	Chưa thực hiện khoán	0	
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	<b>Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp</b>	<b>30</b>	
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	15	
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	15	
2	Từ 50%- 80 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	12	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	9	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	6	
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	15	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	15	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
D	<b>Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện</b>	<b>10</b>	



1	Trên 80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chỉ thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	10	
2	Từ 50%-80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chỉ thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	8	
3	Từ 20% đến dưới 50% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chỉ thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	6	
4	Dưới 20% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chỉ thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	4	
<b>E.</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	<b>10</b>	
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3	
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	5	
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	2	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	

...., ngày....tháng....năm 20...  
**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BR-VT**  
(Ký tên, đóng dấu)



**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	CÁCH CHẤM ĐIỂM
<b>I. Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>		
1	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Căn cứ vào ngày ban hành Quyết định Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm đánh giá của đơn vị. Trường hợp ban hành Chương trình sau ngày 31/12 của năm đánh giá được xác định là "không ban hành".
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của của Chính phủ	Tính điểm trên cơ sở so sánh giữa mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên, quản lý và sử dụng lao động nêu tại Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị với chỉ tiêu tương ứng tại Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của của Chính phủ năm đánh giá. Nếu Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị đưa ra đầy đủ các chỉ tiêu, mức chỉ tiêu bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu nêu tại Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của của Chính phủ thì được điểm tối đa; không đưa ra đầy đủ các chỉ tiêu hoặc mức chỉ tiêu thấp hơn thì điểm đánh giá là 0 điểm.
3	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Căn cứ vào văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của người có thẩm quyền trong năm đánh giá của đơn vị. Trường hợp ban hành văn bản sau ngày 31/12 của năm đánh giá được xác định là "không ban hành".
<b>II. Một số chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể trong chi thường xuyên</b>		
1	Kết quả tiết kiệm cụ thể trong chi thường xuyên	Tính tỷ lệ tiết kiệm (tỷ lệ %) của đơn vị đối với từng tiêu chí thành phần theo công thức: (số liệu dự toán - số liệu thực chi)/số liệu thực chi.
1.1	Biểu số 01: Chỉ tiêu từ số 1 đến chỉ tiêu số 9 mục I.	Ví dụ 1: Tại đơn vị X trong năm 2018, tình hình thực hiện chi hội nghị, công tác phí trong nước như sau:  - Số dự toán được giao cho tổ chức hội nghị, công tác phí trong nước là: 12.210 triệu đồng  - Số chi thực tế tổ chức hội nghị, công tác phí trong nước: 10.701 triệu đồng  So sánh số chi thực tế thực hiện với số dự toán được giao (%) = $(12210 - 10701)/10.701 * 100\% = 14,10\%$ .  - Tính điểm của đơn vị đạt được trên cơ sở công thức sau: (chỉ tiêu tiết kiệm của đơn vị đạt được nhân với điểm tối đa đối với chỉ tiêu
1.2	Biểu số 03: Chỉ tiêu từ số 1 đến chỉ tiêu số 9 mục I.	
1.3	Biểu số 04: Chỉ tiêu từ số 1 đến chỉ tiêu số 8 phần A.	
1.4	Phụ lục 06: Chỉ tiêu số I phần B	



		<p>này)/chỉ tiêu tiết kiệm nêu tại Chương trình của UBND Tỉnh hàng năm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí(năm 2018 tại Quyết định số 726A/QĐ-UBND ngày 15/3/2018)(làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy).</p> <p>Ví dụ 2: chỉ tiêu tiết kiệm trong chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp trong Chương trình của UBND Tỉnh về thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm đánh giá là tối thiểu 12%. Trường hợp đơn vị tiết kiệm được từ 12% trở lên thì đạt điểm tối đa là 6 điểm, trường hợp tiết kiệm 8% thì được 4 điểm, trường hợp không tiết kiệm thì không được điểm.</p> <p>- Trường hợp Chương trình tổng thể của Chính phủ năm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên không nêu cụ thể chỉ tiêu tiết kiệm thì sử dụng chỉ tiêu tiết kiệm là 10%. Có nghĩa là nếu đơn vị đạt chỉ tiêu tiết kiệm 10% thì đơn vị đó được mức điểm tối đa đối với tiêu chí đó.</p> <p>- Trường hợp đơn vị được giao dự toán nội dung chi nhưng không phát sinh khoản chi phí này thì không được điểm.</p>
<b>III.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí chi thường xuyên và tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ</b>	
1	Biểu số 01: Phần B; Biểu số 03: Phần B.	<p>- Cách tính tiết kiệm tương tự hướng dẫn tại điểm 1, mục II nêu trên; căn cứ tỷ lệ tiết kiệm đạt được để tính điểm tiêu chí này cho đơn vị. Ví dụ: Tại Biểu số 01, phần B, trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách có số tiết kiệm chi quản lý hành chính là 4%, thì điểm của đơn vị trong trường hợp này là 10 điểm; nếu đơn vị tiết kiệm được 8% thì điểm của đơn vị là 20 điểm; nếu đơn vị tiết kiệm được 10% thì đơn vị được điểm tối đa là 30 điểm.</p> <p>- Đối với Biểu số 02 (phần A); Biểu số 05 (phần A); Biểu số 06 (chỉ tiêu số II phần B): Dự toán chi thường xuyên tại các chi tiêu này là dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.</p>
2	Biểu số 02: Phần A.	
3	Biểu số 04: Phần B.	
4	Biểu số 05: Phần A.	
5	Biểu số 06: Chỉ tiêu II Phần B.	
<b>IV.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>	
1	- Biểu số 01: Phần C; - Biểu số 03: Phần C; - Biểu số 04: Phần C.	<p>Trường hợp kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán kết luận đơn vị có khoản chi sai định mức tiêu chuẩn, chế độ vào năm ngân sách khác với năm đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì tính điểm trừ vào năm đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đó. Ví dụ: Cơ quan thanh tra kiểm toán phát hiện đơn vị X có 4 khoản chi sai định mức tiêu chuẩn, chế độ khi thanh tra, kiểm toán sử dụng kinh phí chi thường xuyên năm 2017 của đơn vị. Năm thanh tra kiểm toán phát hiện có kết luận là năm 2018 thì sẽ tính điểm trừ khi đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2018 của đơn vị X.</p>
<b>V.</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	
1	Tiêu chí thành phần - Xây dựng kế hoạch tuyên truyền	<p>Kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác của đơn vị. Nếu có xây</p>





	truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	đựng kế hoạch trong năm đánh giá thì được điểm tối đa, nếu không xây dựng kế hoạch thì được 0 điểm.
2	Tiêu chí thành phần - Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Tính điểm của đơn vị đạt được trên cơ sở công thức sau: tỷ lệ % hoàn thành nhân với điểm tối đa của tiêu chí này (làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy)
3	Tiêu chí thành phần - Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác của đơn vị. Nếu có kế hoạch thì được điểm tối đa, nếu không xây dựng kế hoạch thì được 0 điểm.
4	Tiêu chí thành phần - Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Tính điểm của đơn vị đạt được trên cơ sở công thức sau: tỷ lệ % hoàn thành nhân với điểm tối đa của tiêu chí này (làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy)